ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2341/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 30 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Đường phục vụ xuất nhập khẩu, đấu nối từ cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng với Khu kiểm soát Khả Phong (Trung Quốc)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ quy định về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành số 660/BC-STC ngày 28/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Tên công trình: Đường phục vụ xuất nhập khẩu, đấu nối từ cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng với Khu kiểm soát Khả Phong (Trung Quốc).

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn.

3. Địa điểm xây dựng: xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Thời gian khởi công - hoàn thành: năm 2017 - năm 2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư, dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		**259.540.000.000**	**251.861.613.000**
1	Chi phí BTHT&TĐC	41.445.000.000	41.208.302.000
2	Chi phí xây dựng	194.803.010.000	194.584.776.000
3	Chi phí thiết bị	187.370.000	187.370.000
4	Chi quản lý dự án	2.427.900.000	2.427.930.000
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	8.608.199.000	8.608.199.000
6	Chi phí khác	4.914.600.000	4.845.036.000
7	Chi phí dự phòng	7.153.900.000	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư, dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị được quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6	7
Tổng số		**259.540.000.000**	**251.861.613.000**	**241.336.210.000**	**10.525.403.000**	**0**
1	Vốn đầu tư công và vốn NSNN:	259.540.000.000	251.861.613.000	241.336.210.000	10.525.403.000	0
1.1	Vốn ngân sách trung ương	259.540.000.000	134.190.000.000	134.190.000.000	0	0
1.2	Vốn ngân sách địa phương		117.671.613.000	107.146.210.000	10.525.403.000	0
2	Nguồn vốn khác:	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
	Tổng số	**0**	**0**	**251.861.613.000**	**0**
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	0	0	251.861.613.000	0
2	Tài sản ngắn hạn		0	0	0

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		**251.861.613.000**	
1	Vốn đầu tư công và vốn NSNN:	251.861.613.000	
1.1	Vốn ngân sách trung ương	134.190.000.000	
1.2	Vốn ngân sách địa phương	117.671.613.000	
2	Nguồn vốn khác:	0	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng phải thu: 0 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 10.525.303.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

1.3. Bàn giao tài sản, hồ sơ dự án cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

2.1. Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
	Tổng tài sản tiếp nhận:	**251.861.613.000**	
1	*Trung tâm quản lý cửa khẩu thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (các hạng mục trừ hạng mục đường dây và TBA*	251.600.861.000	
2	*Công ty Điện lực Lạng Sơn (Hạng mục đường dây và TBA)*	260.752.000	

2.2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng, Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn